**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QUẢN TRỊ KINH DOANH**

----------------------------



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Học phần: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

**Mã số: SSO121**

**Số tín chỉ: 02**

**Giảng dạy cho CTĐT: Quản trị Marketing**

**Khoa: KHOA HỌC CƠ BẢN**

**Bộ môn phụ trách: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**Thái Nguyên, 2022**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QTKD**  **KHOA: KHOA HỌC CƠ BẢN**  **Bộ môn phụ trách: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ** |  |

**ĐỀ C­ƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần:** CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC;  **Mã học phần**: SSO121

**2. Tên Tiếng Anh:** Scientific socialism;

**3. Số tín chỉ:** 02 **tín chỉ** (a. 24 tiết lý thuyết, b. 12 tiết thảo luận)

**Giảng dạy cho CTĐT: Quản trị Marketing**

**4. Điều kiện tham gia học tập học phần**

Môn học trước : Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin

**5. Các giảng viên phụ trách học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | Th.s Đào Thị Tân | 0987995299 | daothitan@tueba.edu.vn | P.Trưởng BM |
| 2 | TS. Đinh Thị Tuyết | 0987819808 | dinhthituyet@tueba.edu.vn |  |
| 3 | TS. Dương Thị Hương | 0979787221 | dthuong@tueba.edu.vn |  |
| 4 | TS. Phạm Thị Nga | 0962260638 | ptnga2020@tueba.edu | Trưởng Bộ môn |
| 5 | Th.s Lê Thị Thu Huyền | 0986376209 | lethithuhuyen@tueba.edu.vn |  |
| 6 | Th.s Phạm Thị Nhung | 0966725211 | pthnhung@tueba.edu.vn |  |
| 7 | Th.s Đàm Thị Hạnh | 0349589708 | [dthanh@tueba.edu.vn](mailto:dthanh@tueba.edu.vn) |  |
| 8 | TS. Nguyễn Thị Nội | 0989346178 | Ntnoi@tueba.edu.vn |  |
| 9 | Th.s Nguyễn Thị Thủy | 0987988877 | ntthuy@tueba.edu.vn |  |

**6. Mô tả học phần:**

Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

**7. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả**  ***(Goal description)***  *Học phần này trang bị cho sinh viên:* | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **CO1** | Sinh viên khái quát được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. | PLO1: 1.1 CTĐT Quản trị Marketing | 3 |
| **CO2** | Sinh viên nâng cao các kỹ năng về truyền đạt thông tin, thuyết trình và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. | PLO2: 2.2 CTĐTQuản trị Marketing | 3 |
| **CO3** | Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo. | PLO3: 3.1 CTĐT Quản trị Marketing | 3 |

**8. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả**  *Sau khi học xong học phần này, người học có thể:* | **CĐR CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| CLO1 | Có kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học. Người học diễn giải được những quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh lịch sử đó trong bối cảnh hiện nay gắn với chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. | *PLO1:* 1.1 CTĐT CTĐT Quản trị Marketing | **3** |
| CLO2 | Nhận thức đầy đủ và đúng bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội –giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chỉ rõ được quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo; mối quan hệ dân tộc và tôn giáo và nội dung chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng Và Nhà nước Việt Nam; về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay. | *PLO1:* 1.1 CTĐT Quản trị Marketing | **3** |
| CLO3 | Biết vận dụng phương pháp luận và các phương pháp chuyên ngành chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc hình thành các kỹ năng đánh giá các nội dung: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong tiến trình cách mạng ở nước ta; những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; những vấn đề lý luận về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, vấn đề liên minh giai cấp, tầng lớp, vấn đề dân tộc và tôn giáo vào những vấn đề thực tiễn liên quan, trước hết là trong công việc và nhiệm vụ của cá nhân. | *PLO2: 2.2* CTĐT Quản trị Marketing | **3** |
| CLO4 | Có kỹ năng nhận định, đánh giá, thuyết trình,tự học tập, tự tìm hiểu tài liệu để hoàn thành các bài học và bài tập được giao. | *PLO2: 2.2* CTĐT Quản trị Marketing | **3** |
| CLO5 | Khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các nội dung về việc luận giải các quy luật và các vấn đề có tính quy luật chính trị - xã hội của chủ nghĩa xã hội khoa học. Có niềm tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa, luôn tin tưởng và ủng hộ đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.  Có thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị, có tinh thần hợp tác và trách nhiệm cá nhân đối với các hoạt động được giảng viên giao. | *PLO3. 3.1* CTĐT Quản trị Marketing | **3** |

**Mối tương thích giữa CĐR học phần với Triết lý giáo dục của**

**Trường Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung của triết lý giáo dục** | | **CĐR học phần** |
| **Sáng tạo** | Đào tạo hướng tới phát huy tối đa khả năng của người học, chủ động tiếp cận và nắm bắt các cơ hội trong đời sống xã hội, trong nghề nghiệp | CLO5 |
| **Thực tiễn** | Đào tạo người học có phẩm chất đạo đức, có tri thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu cần thiết phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện đại, của thị trường lao động và nhu cầu học tập tự thân của mỗi người | CLO4 |
| **Hội nhập** | Đào tạo giúp người học tích lũy tri thức và kỹ năng nghề nghiệp, chủ động hội nhập quốc tế, phù hợp xu thế phát triển bền vững | CLO1, CLO2, CL03 |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*- Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*- Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*- Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT** | | | | | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | | | **PLO2** | | | | | **PLO3** | | | | |
| **1.1** |  |  |  |  |  | **2.2** |  |  |  | **3.1** |  |  |  |  |
| CLO1 | **R** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 | **R** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  | **R** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  | **R** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **R** |  |  |  |  |

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

***9.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận***

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Hoàn thành các bài tập được giao.

- Nghiên cứu tài liệu học tập.

***9.2. Phần thực hành, tiểu luận*** *(nếu có)*

- Hoàn thành các bài tiểu luận theo yêu cầu.

***9.3. Phần khác*** *(nếu có):* Trong toàn khóa học, sinh viên có thể tham gia các cuộc thi tìm hiểu kiến thức các môn Lý luận Chính trị, tham dự chương trình tọa đàm các chuyên đề Lý luận Chính trị và kết hợp tham quan thực tế theo kế hoạch của Nhà trường tổ chức.

**10. Tài liệu học tập**

***-*** *Sách, giáo trình chính*:

1.Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho

bậc đại học không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội,2021**.**

***-*** *Tài liệu tham khảo:*

2. Bộ môn Lý luận Chính trị, Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Kinh tế& QTKD, Bài giảng Chủ nghĩa xã hội khoa học, Đại học Thái Nguyên, 2020

3. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc, Nxb.Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2018

4.Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb Giáo dục và đào tạo, 2006

5. Các Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia – Sự Thật, 2004

6. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng Toàn Tập, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2018

7. Lê nin Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2005

8.Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học; Nxb CTQG, Hà Nội, 2002.

9. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, “Chương trình cao cấp lý luận chính trị”, Bùi Thị Ngọc Lan, Đỗ Thị Thạch (đồng chủ biên) Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2018.

10. Hoàng Chí Bảo, Nguyễn Viết Thông, Bùi Đình Bôn (đồng chủ biên), Một số vấn đề lý luận về giai cấp công nhân Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Nxb Lao động, Hà Nội, 2010.

11. GS.TS Phùng Hữu Phú, GS, TS Lê Hữu Nghĩa, GS.TS Vũ Văn Hiền, PGS.TS Nguyễn Viết Thông) …(đồng chủ biên), Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.

12. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (khóa XIV), Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Luật số 02/2016/QH14, ngày 18/11/2016.

13. Tạ Ngọc Tấn (Chủ biên), Một số vấn đề về biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam hiện nay, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

14. Lê Ngọc Văn, Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011.

15. Đào Trí Úc, Giáo trình Nhà nước pháp quyền, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015.

16. Nguyễn Hữu Vui, Giáo trình Triết học Mác -Lênin, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

**11. Phương pháp giảng dạy - học tập**

***- Phương pháp giảng dạy - học tập của học phần***

|  |
| --- |
| **Hộp 1: Phương pháp giảng dạy - học tập**  Thực hiện mục tiêu đào tạo theo các chương trình đào tạo Quản trị Marketing, Bộ môn Lý luận Chính trị thực hiện các phương pháp giảng dạy - học tập chính bao gồm: Phương pháp dạy học trực tiếp, dạy học tương tác, thuyết trình và tự học. |
| **Hộp 2: Phương pháp dạy học của CTĐT**  **1. Dạy học trực tiếp**  Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe, nhằm đạt mục đích truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.  Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được TCE áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture).  **1. Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)**: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trựctiếp trong đó giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung về phạm trù trung tâm của chủ nghĩa xã hội khoa học, các quy luật và các vấn đề có tính quy luật của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng về mặt lý luận chính trị.  **2. Thuyết giảng (Lecture)**: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dungtrong học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên lắng nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt về các vấn đề cơ bản, cốt lõi.  **3. Tham luận (Guest lecture)**: Sinh viên được tham gia vào các khóahọc mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giảng viên mà là những người đến từ các đơn vị khác. Thông qua những buổi tọa đàm, diễn giảng cung cấp các tri thức gắn với lịch sử địa phương hoặc báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội địa phương để giúp sinh viên hình thành khối kiến thức gắn với thực tiễn.  **2. Dạy học tương tác**  Giảng viên đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.  Các kỹ thuật, phương pháp được TCE áp dụng theo chiến lược này gồm có: phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Pear Learning).  **4. Tranh luận (Debates)**: là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đềliênquan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.  **5. Thảo luận (Discussion)**: Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành cácnhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.  **6. Học nhóm (Pear Learning)**: Sinh viên được tổchức thành các nhóm nhỏ đểcùng nhaugiải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.  **3. Tự học**  Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.  Phương pháp học theo chiến lược này được TCE áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assigment).  **7. Bài tập ở nhà (Work Assigment)**: Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụlàm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu. |

**Ma trận quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và phương pháp**

**giảng dạy - học tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Trình độ năng lực** | **Phương pháp giảng dạy - học tập** | | |
| 1. **Dạy học trực tiếp** | **2. Dạy học tương tác** | **3. Tự học** |
| CLO1 | 3 | x | x | x |
| CLO2 | 3 | x | x | x |
| CLO3 | 3 | x | x | x |
| CLO4 | 3 | x | x | x |
| CLO5 | 3 | x | x | x |

**12. Nội dụng giảng dạy chi tiết**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Nội dung giảng dạy**  *(Ghi chi tiết đến từng mục nhỏ của từng chương)* | **Chuẩn đầu ra học phần** *(CĐR đạt được khi kết thúc chương)* | **Đáp ứng CĐR CTĐT và mức độ đáp ứng sau khi kết thúc chương** | **Phương pháp giảng dạy**  **học tập** | **Phương pháp đánh giá** |
| 1-2 | **CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**  I. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC  1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học  a. Điều kiện kinh tế - xã hội  b. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận  2. Vai trò của C. Mác và Ph.Ăngghen  a. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị  b. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ănghen  c. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản đánh dấu sự ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học  II. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC  1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học  a. Thời kỳ từ 1848 đến Công xã Pari (1871)  b. Thời kỳ sau Công xã Pari đến 1895  2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới  a. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga  b. Thời kỳ sau cách mạng Tháng Mười Nga (1917) đến năm 1924  3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau V.I.Lênin qua đời đến nay  a. Thời kỳ từ năm 1924 đến trước năm 1991  b. Từ năm 1991 đến nay  III.ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ Ý NGHĨ CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC  1. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học  2. Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học  3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học  a. Về mặt lý luận  b. Về mặt thực tiễn | CLO1 CLO3  CLO4  CLO5 | PLO1:1.1(R) PLO2:2.2 (R) PLO3:3.1 (R) CTĐT Quản trị Marketing | Thuyết giảng, Tranh luận, thảo luận,  tự học | Đánh giá, nhận xét sinh viên trả lời câu hỏi |
| 3-8 | **CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN**  I.. QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN  1. Khái niệm và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  a. Khái niệm giai cấp công nhân  b. Đặc điểm giai cấp công nhân  2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  3. Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  a. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  b. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử  II. GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ VIỆC THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN HIỆN NAY   1. Giai cấp công nhân hiện nay   a.Về những điểm tương đối ổn định so với thế kỷ XIX  b. Những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại  2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay  a. Nội dung kinh tế  b. Nội dung chính trị - xã hội  c. Nội dung văn hóa, tư tưởng  III. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM  1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam  2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay  a. Nội dung kinh tế  b. Nội dung chính trị - xã hội  c. Nội dung văn hóa, tư tưởng  3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân hiện nay  a. Phương hướng xây dựng giai cấp công nhân hiện nay  b. Một số giải pháp xây dựng giai cấp công nhân hiện nay | CLO1 CLO3  CLO4  CLO5 | PLO1:1.1(R) PLO2:2.2 (R) PLO3:3.1 (R) CTĐT Quản trị Marketing | Thuyết giảng, Tranh luận, thảo luận,  tự học | Đánh giá, nhận xét sinh viên trả lời  câu hỏi |
| 9-13 | **CHƯƠNG 3 : CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**  I. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa  2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội  a.Điều kiện kinh tế  b.Điều kiện chính trị - xã hội  3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội  II. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  a.Trên lĩnh vực kinh tế  b. Trên lĩnh vực chính trị  c. Trên lĩnh vực tư tưởng – văn hóa  d. Trên lĩnh vực xã hội  III. QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM  1. Đặc điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa  2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay  a. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  b. Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay | CLO1 CLO3  CLO4  CLO5 | PLO1:1.1(R) PLO2:2.2 (R) PLO3:3.1 (R) CTĐT Quản trị Marketing | Thuyết giảng, Tranh luận, thảo luận,  tự học | Đánh giá, nhận xét sinh viên trả lời  câu hỏi |
| 14-19 | **CHƯƠNG 4 : DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**  I. DÂN CHỦ VÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ  a. Quan niệm về dân chủ  b. Sự ra đời, phát triển của dân chủ  2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa  a. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa  b.Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa  II. NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa  a. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa  b. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa  c. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa  2.Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa  a.Dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa  b.Nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân  III. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM   1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa   ở Việt Nam   1. Sự ra đời, phát triển của   nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam   1. Bản chất của nền dân chủ   xã hội chủ nghĩa ở Việt nam  2.Nhà nước pháp quyền xã  hội chủ nghĩa ở Việt Nam   1. Quan niệm về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 2. Đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam   3.Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay  a. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay  b. Tiếp tục xây dựng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa | CLO2 CLO3  CLO4  CLO5 | PLO1:1.1(R) PLO2:2.2 (R) PLO3:3.1 (R) CTĐT Quản trị Marketing | Thuyết giảng, Tranh luận, thảo luận,  tự học | Đánh giá, nhận xét sinh viên trả lời  câu hỏi  tự luận |
| 20 | Thi giữa kỳ | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | PLO1:1.1(R) PLO2:2.2 (R) PLO3:3.1 (R) CTĐT Quản trị Marketing |  | Bài thi viết  giữa kỳ |
| 21-25 | **CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**  I. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  1.Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội  a. Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp  b. Vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội  2. Sự biến đổi có tính qui luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  II. LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  Xét dưới góc độ chính trị  Xét từ góc độ kinh tế  III. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM   1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3. Nội dung của liên minh giai   cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  b.Phương hướng cơ bản để xây  dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. | CLO2 CLO3  CLO4  CLO5 | PLO1:1.1(R) PLO2:2.2 (R) PLO3:3.1 (R) CTĐT Quản trị Marketing | Thuyết giảng, Tranh luận, thảo luận,  tự học | Đánh giá, nhận xét sinh viên làm bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm |
| 26-31 | **CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**  I. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  1.Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc  2. Chủ nghĩa Mác –Lênin về vấn đề dân tộc  a. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc  b. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin  3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam  a. Đặc điểm dân tộc ở Việt Nam  b. Quan điểm và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc  II. TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo  a. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo  b. Nguyên tắc giải quyết vấn  đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội   1. Tôn giáo ở Việt Nam và   chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay   1. Đặc điểm tôn giáo ở   Việt Nam   1. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay   III. QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM  1.Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam  a. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất  b. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống  c. Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh làm ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc  2.Định hướng giải quyết mối  quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay  a. Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam  b. Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa  c. Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị. | CLO2 CLO3  CLO4  CLO5 | PLO1:1.1(R) PLO2:2.2 (R) PLO3:3.1 (R) CTĐT Quản trị Marketing | Thuyết giảng, Tranh luận, thảo luận,  tự học | Đánh giá, nhận xét sinh viên trả lời câu hỏi tự luận |
| 32-36 | **CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**  I. KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH  1.Khái niệm gia đình  2. Vị trí của gia đình trong  xã hội  a. Gia đình là tế bào của xã hội  b. Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên  c. Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội  3. Chức năng cơ bản của gia đình  a. Chức năng tái sản xuất ra con người  b. Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục  c. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng  d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình  II. CƠ SỞ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  1. Cơ sở kinh tế - xã hội  2. Cơ sở chính trị - xã hội  3. Cơ sở văn hóa  4. Chế độ hôn nhân tiến bộ  III. XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  1.Sự biến đổi của gia đình Việt  Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  2.Biến đổi các chức năng của  gia đình  a. Chức năng tái sản xuất ra con người  b. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng  c. Chức năng giáo dục (xã hội hóa)  d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm  3. Biến đổi trong các mối quan hệ  gia đình   1. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | CLO2 CLO3  CLO4  CLO5 | PLO1:1.1(R) PLO2:2.2 (R) PLO3:3.1 (R) CTĐT Quản trị Marketing | Thuyết giảng, Tranh luận, thảo luận,  tự học | Đánh giá, nhận xét sinh viên làm bài thảo luận |

**13. Phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá**

***13.1. Các phương pháp đánh giá***

|  |
| --- |
| **Hộp 3: Phương pháp đánh giá**  Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Bộ môn Lý luận Chính trị thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.  Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẽ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.  Bộ môn Lý luận Chính trị đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong CTĐT của Bộ môn được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment). |
| **Hộp 4: Cụ thể các phương pháp đánh giá**  **\* Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment): Có tính điểm**  **1. Đánh giá chuyên cần (Attendence Check)**  Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1.  **\* Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment): Có tính điểm**  **2. Kiểm tra viết (Written Exam)**  Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.  **3.** **Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)**  Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.  **4. Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)**  Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo Rubric 7. |

***13.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá***

**\* Ma trận đánh giá chuẩn đầu ra**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **học phần** | **Trình độ năng lực** | **Thường xuyên (30%)** | **Giữa học phần(20%)** | **Kết thúc học phần** **(50%)** |
| CLO1 | 3 | x | x | x |
| CLO2 | 3 | x | x | x |
| CLO3 | 3 | x | x | x |
| CLO4 | 3 | x | x | x |
| CLO5 | 3 | x | x | x |

**\* Đánh giá học phần**

***Đánh giá chuyên cần***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số (%)** |  | **Điểm** | | | | | |
| **10** | **9** | **8** | **7** | **6** | **5** | **0** |
| Tham gia tiết học | 50 | Đủ | Nghỉ 3 tiết | Nghỉ 4 tiết | Nghỉ 5 tiết | Nghỉ 6 tiết | Nghỉ 7 tiết | Nghỉ lớn hơn 20% của 36 tiết |
| Ý thức học tập trên lớp | 50 | Phát biểu sôi nổi, ý thức tốt | Phát biểu sôi nổi, ý thức tốt | Phát biểu, ý thức tốt | Phát biểu, ý thức tốt | Ít phát biểu, ý thức khá | Ít phát biểu, ý thức khá | Không phát biểu, ý thức yếu |

+ Đánh **giá kiểm tra viết (Written Exam):** Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

**+ Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam):** Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

**+ Đánh giá làm việc nhóm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số (%)** | **Điểm** | | | | |
| **Mức A**  **(10-8,5)** | **Mức B**  **(7.0-8.4)** | **Mức C**  **(5.5-6.9)** | **Mức D**  **(4.0-5.4)** | **Mức F**  **(0-3.9)** |
| Tổ chức nhóm | **40%** |  | < 90% | Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm. | Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể. | Không có sự làm việc nhóm. |
| Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần) | **20%** | 100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm) | Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay. | < 70% | < 50% | < 30% |
| Thảo luận | **20%** | Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm. | Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm. | Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến. | Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến. | Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm. |
| Phối hợp nhóm | **20%** | Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm. |  |  |  |  |

**Đánh giá điểm giữa kỳ:** Bài kiểm tra viết 50 phút theo thang điểm 10 dựa trên đề và đáp án được thiết kế sẵn của Bộ môn.

**Đánh giá điểm thi kết thúc học phần:** Bài kiểm tra viết 60 phút theo thang điểm 10 dựa trên đề và đáp án từ Bộ ngân hàng câu hỏi.

***13.3. Hệ thống tính điểm***

Điểm học phần được đánh giá theo thang điểm 10 sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Điểm đánh giá bộ phận gồm:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 30%

+ Điểm thi giữa học phần: 20%

+ Điểm thi kết thúc học phần: 50%

***13.4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức kiểm tra** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **CĐR học phần được đánh giá** | **Đáp ứng CĐR CTĐT và mức độ đáp ứng sau khi kết thúc chương** | **Phương**  **pháp**  **đánh**  **giá** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ %** |
| Chuyên cần |  | 36 tiết | CL01  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | PLO1:1.1(R) PLO2:2.2 (R) PLO3:3.1 (R) CTĐT Quản trị Marketing | Đánh giá chuyên cần | Điểm danh, phát biểu | 10 |
| Kiểm tra thường xuyên | Chương 1,2,3,4,5 | Tiết  25 | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | PLO1:1.1(R) PLO2:2.2 (R) PLO3:3.1 (R) Quản trị Marketing | Kiểm tra viết hoặc trắc nghiệm | Bài kiểm tra viết | 10 |
| Kiểm tra thường xuyên | Chương 6  Chương 7 | Tiết  36 | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | PLO1:1.1(R) PLO2:2.2 (R) PLO3:3.1 (R) CTĐT Quản trị Marketing | Thảo luận nhóm | Bài thảo luận | 10 |
| Thi giữa học phần |  | Tiết 20 | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | PLO1:1.1(R) PLO2:2.2 (R) PLO3:3.1 (R) CTĐT Quản trị Marketing | Thi viết tự luận | Bài thi viết | 20 |
| Thi kết thúc học phần | Thi kết thúc học phần | Cuối học kỳ | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | PLO1:1.1(R) PLO2:2.2 (R) PLO3:3.1 (R) Quản trị Marketing | Thi viết tự luận | Bài  thi  viết | 50 |
| - Nội dung bao quát tất cả các CĐR quan trọng của môn học.  - Thời gian làm bài 60 phút. *(Không* *được sử dụng tài liệu).* |

***13.5. Bảng đối chiếu các CĐR học phần được đánh giá***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **học phần** | **Hình thức kiểm tra, đánh giá** | | | | | **Phương pháp/Công cụ kiểm tra, đánh giá** | | | |
| **Quan sát** | **Kiểm tra thường xuyên** | **Thảo luận nhóm** | **Thi giữa học phần** | **Thi kết thúc học phần** | **Bài kiểm tra** | **Bài thảo luận** | **Đề thi giữa kỳ** | **Đề thi cuối kỳ** |
| CLO1 | x | x |  | x | x |  |  | x | x |
| CLO2 | x | x | x | x | x | x |  | x | x |
| CLO3 | x |  | x | x | x |  | x | x | x |
| CLO4 | x |  | x | x | x |  |  | x | x |
| CLO5 | x |  |  | x | x |  |  | x | x |

**14. Các yêu cầu đối với sinh viên**

- Chấp hành đầy đủ nội quy, quy chế của Nhà trường, của Lớp học.

- Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp. Tham gia xây dựng bài học, lĩnh hội kiến thức, liên hệ vận dụng kiến thức với bản thân, chuyên ngành học tập, thực tiễn hoạt động xây dựng đất nước.

- Hoàn thành đúng hạn và yêu cầu bài tập được giao.

**15. Ngày phê duyệt lần đầu:** ngày 12 tháng 3 năm 2021

**16. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Trưởng khoa** | **Trưởng Bộ môn** | **Nhóm biên soạn** |
|  | **TS. Phạm Hồng Trường** | **TS. Phạm Thị Nga** | **Th.s Đào Thị Tân** |

**17. Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT  lần 1: ngày 12 tháng 3 năm 2021 | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  **Th.s Đào Thị Tân**  Trưởng Bộ môn:  **TS. Phạm Thị Nga** |
| **Lần 2:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT  lần 2: ngày 04 tháng 6 năm 2022 | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  **Th.s Đào Thị Tân**  Trưởng Bộ môn:  **TS. Phạm Thị Nga** |